

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm pallet gỗ
- Nhiệm vụ: Mua pallet gỗ để chứa cao su thành phẩm SVR
- Địa điểm: Ấp 2A, xã Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguồn vốn: Vốn chi phí giá thành năm 2025.
- Thời gian bắt đầu tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu:Quý III/2025.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các hàng hóa, sản phẩm đáp ứng đúng quy cách sản phẩm và đáp ứng các đặc tính kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các yêu cầu về quy cách sản phẩm, đặc tính kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, quy cách đóng gói... thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

2.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật

TT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
1	Thùng Pallet	- Theo TC-QLCL-05 có hiệu lực ngày 01/09/2025: Tiêu chuẩn pallet của Công ty CP Cao su Phước Hòa (đính kèm trong chương này)
2	Nắp Pallet	
3	Đáy Pallet	

2.2 Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa

- Hàng hóa cung cấp có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đầy đủ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm theo qui định hiện hành;
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật: Catalogue của Nhà sản xuất để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật, phù hợp hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.
- Đối với hàng hóa sản xuất hoặc gia công trong nước: bản gốc hoặc Bản chứng thực bản sao đúng với bản gốc: giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu: bản gốc hoặc Bản sao y công ty khi có yêu cầu của chủ đầu tư
- + Giấy Chứng nhận xuất xứ (C/O).
- + Giấy Chứng nhận chất lượng (C/Q).
- + Giấy phép nhập khẩu (nếu có); tờ khai hải quan; danh sách đóng gói (có xác nhận sao y bản chính do công ty nhập khẩu xác nhận).

Lưu ý:

Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt

2. Biện pháp bảo đảm chất lượng

- Hàng hóa cung cấp phải là hàng mới sản xuất từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng, và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không nhập lậu, hàng kém chất lượng. Có hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt nếu là hàng hóa nhập khẩu.
- Nhà thầu cam kết phải cung cấp khi có yêu cầu của chủ đầu tư (Trường hợp nhà thầu trúng thầu mà chủ đầu tư có sự nghi ngờ hàng hóa chuẩn bị giao là hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, trôi nổi trên thị trường hoặc nhập lậu không rõ nguồn gốc): Nhà thầu phải cung cấp bản gốc (hoặc bản photo có chứng thực) Giấy phép hoặc giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu không cung cấp được các giấy tờ này để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hoá như sau:
 - + Hàng hóa phải đảm bảo hạn sử dụng ≥ 12 tháng kể từ ngày giao hàng.
 - + Thu hồi hàng hóa không đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng và đổi hàng hóa có chất lượng tương đương cho Công ty CP Cao su Phước Hòa trong vòng 07 ngày.

+ Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành: thời hạn nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, hàng bị lỗi... sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư là 48 giờ, chi phí khắc phục các hư hỏng, khuyết tật là nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.

5. Kiểm tra và nghiệm thu

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra quy cách hàng hóa.
- Kiểm tra chất lượng hàng hóa.
- Kiểm tra số lượng mỗi đợt giao hàng.

Trong quá trình kiểm tra, nếu Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, sản phẩm của nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và hợp đồng đã ký kết, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa thay thế đảm bảo chất lượng cho chủ đầu tư.

Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Mọi thủ tục nghiệm thu, bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc...

6. Các yêu cầu khác

- Hàng hóa phải được giao tại kho của Nhà máy Bô Lá hoặc nhà máy Cua Paris của Công ty CP Cao su Phước Hòa.
- Hàng hóa phải được cung cấp trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, hàng hóa được giao theo từng đợt hàng tháng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu phải giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được phiếu yêu cầu đặt hàng của Chủ đầu tư.
- Các yêu cầu khác về hàng hoá, dịch vụ: Chi phí bốc xếp hàng hóa 2 đầu do nhà thầu chịu.

Cty CP Cao su Phước Hòa	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 1/8
Người soạn thảo: Phó phòng QLCL	Người phê duyệt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA Phó Tổng Giám đốc Phụ trách điều hành	

1. Mục đích:

Tiêu chuẩn này nhằm đảm bảo chất lượng và thống nhất các yêu cầu kỹ thuật của pallet khi nhập về các nhà máy chế biến thuộc Công ty cổ phần cao su Phước Hòa.

2. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng để kiểm soát đánh giá chất lượng pallet gỗ và pallet PE dùng để chứa cao su thành phẩm SVR có trọng lượng tịnh 1,2 tấn hoặc 1,26 tấn.

3. Định nghĩa, thuật ngữ và các từ viết tắt:

- MR: Đại diện lãnh đạo
- P. KHVT: Phòng Kế hoạch vật tư
- P. QLCL: Phòng Quản lý chất lượng
- P. TCKT: Phòng Tài chính kế toán
- NMCB: Nhà máy chế biến.

4. Tài liệu viện dẫn:

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2016 - Cao su thiên nhiên SVR – Quy định kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 106:2012 - Quy định bao gói, lưu kho, vận chuyển cao su SVR, RSS.

5. Nội dung:

5.1. Pallet gỗ:

5.1.1. Kích thước thùng chứa (mm):

Dài	1438 ± 5
Ngang	1100 ± 5
Cao	1082 ± 5

5.1.2 Kích thước và số lượng các thanh gỗ của thùng chứa:

Loại	Thanh gỗ	Ký hiệu	Số lượng	Kích thước thanh gỗ (mm)		
				Dài	Rộng	Dày
Hông dài (Tính cho 2 mặt)	Thanh ngang	A1	02	1438± 5	150± 5	18± 1
	Thanh ngang	A2	04	1438± 5	80± 5	18± 1
	Thanh đứng	A3	12	960± 5	85± 5	18± 1
	Thanh đứng	A4	04	960± 5	150± 5	18± 1
	Thanh chéo	A5	02	1578± 5	150± 5	18± 1
Hông ngắn (Tính cho 2 mặt)	Thanh ngang	B1	02	1064± 5	150± 5	18± 1
	Thanh ngang	B2	04	1064± 5	80± 5	18± 1
	Thanh đứng	B3	06	960± 5	83± 5	18± 1
	Thanh đứng	B5	04	960± 5	150± 5	18± 1
	Thanh chéo	B4	02	1247± 5	150± 5	18± 1

Cty CP Cao su Phước Hòa		TIÊU CHUẨN PALLET		Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 2/8		
Nắp	Thanh ngang	C1	03	1100± 5	150± 5	18± 1
	Thanh ngang	C3	02	1100± 5	80± 5	18± 1
	Thanh dọc	C2	03	1368± 5	100± 5	18± 1
Mặt đáy & đế	Thanh ngang	D1	11	1438± 5	83± 5	18± 1
	Thanh dọc	D2	03	1100± 5	100± 5	18± 1
	Thanh đáy	D3	03	1388± 5	150± 5	18± 1
	Cục gỗ	D4	09	150± 5	100± 5	50± 5

5.2. Pallet PE:

5.2.1 Pallet PE không sử dụng thùng, mũ khi lưu kho được chứa trong thùng sắt để ổn định kích thước theo quy định trước khi xuất hàng.

5.2.2 Kích thước và số lượng các thanh gỗ của mặt đáy và đế pallet PE:

Loại	Thanh gỗ	Ký hiệu	Số lượng	Kích thước thanh gỗ (mm)		
				Dài	Rộng	Dày
Mặt đáy & đế	Thanh ngang	D1	11	1438± 5	83± 5	18± 1
	Thanh dọc	D2	03	1100± 5	100± 5	18± 1
	Thanh đáy	D3	03	1388± 5	150± 5	18± 1
	Cục gỗ	D4	09	150± 5	100± 5	50± 5
	Thanh dài	E1	02	1438± 5	50± 5	25± 1
	Thanh dài	E2	02	1050± 5	50± 5	25± 1

5.2.3 Nắp pallet PE: Nắp pallet PE giống như nắp của pallet gỗ:

Ghi chú: Trong nghiệm thu chất lượng cho pallet sẽ chấp nhận các phương án: trên cùng một pallet toàn bộ các thanh gỗ có bề rộng theo kích thước lớn (dùng gỗ nguyên tấm, không ghép); các thanh gỗ có bề rộng theo kích thước vừa lớn vừa nhỏ (có gỗ nguyên tấm và gỗ ghép); toàn bộ các thanh gỗ có bề rộng theo kích thước nhỏ (dùng gỗ nhỏ, đóng ghép).

5.3. Số lượng và kích thước thép góc, đinh, đai:

5.3.1. Thùng pallet gỗ:

Stt	Loại	Số lượng (cái)	Kích thước (mm)			Ghi chú
			Dài	Rộng	Dày	
1	Thép góc	26	140	15 – 17	0,5 – 0,6	Xem hình 1
2	Đinh vít	18	50	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng D1, D2, với D4
3	Đinh vít	140	35	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng hông dài, hông ngắn
4	Đinh tròn	137	50	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng đáy, nắp và ráp thùng
5	Đinh tròn	104	30	Ø: 1,8 – 2,0	–	Dùng đóng đai thép
6	Đai nhựa	04	Tùy kích thước thùng	15 – 17	1,2 – 1,8	Không bị dập, nát
7	Đai sắt	04	Tùy kích thước thùng	15 – 17	0,5 – 0,6	Không bị rỉ sét

Cty CP Cao su Phước Hòa	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 3/8
-------------------------	------------------------------	--

5.3.2 Đáy pallet PE:

Stt	Loại	Số lượng (cái)	Kích thước (mm)			Ghi chú
			Dài	Rộng	Dày	
1	Thép góc	6	140	16	0,5 – 0,6	Xem hình 1
2	Đinh vít	18	50	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng D1, D2, với D4
3	Đinh vít	24	25	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng thép góc
4	Đinh tròn	67	50	Ø: 2,8 – 3,0	–	Dùng đóng đáy
5	Đinh tròn	30	40	Ø: 1,8 – 2,0	–	Dùng đóng thanh

5.4. Yêu cầu chất lượng gỗ:

- Gỗ phải khô, có ẩm độ dưới 15%, không bị mối mọt, không cong vênh, không dính vỏ cây, không bị khuyết, lẹm,...
- Các thanh gỗ phải được bào láng các mặt, cạnh và không bụi bẩn.
- Gỗ phải được ngâm tẩm, xử lý chống mối mọt, hun trùng và đóng dấu xác nhận hun trùng.

5.5. Yêu cầu lắp ráp:

- Đóng các thanh gỗ thành các mặt hông dài, hông ngắn, đế, nắp trước khi lắp ráp theo hình vẽ. Thép góc và đinh đóng đúng vị trí, mũi đinh phải hướng xuống đáy thùng. Các mặt lắp ráp với nhau sử dụng đinh 5 để đóng.
- Đối với mặt đáy và đế lắp ráp các thanh D1, D2 với D4 sử dụng đinh 8 để đóng.
- Mỗi thùng được niềng chặt bằng 4 đai thép đối với Pallet gỗ và 4 đai nhựa đối với Pallet PE, hai dây niềng dọc và hai dây niềng ngang.

5.6. Ký mã hiệu trên thùng chứa cao su:

- Thùng chứa phải được nhận diện dễ dàng và rõ ràng về cấp hạng, nguồn gốc cao su và các chi tiết vận chuyển thích hợp.
- Các mẫu chữ và số được ghi trên thùng chứa: hai mặt hông dài (xem hình 1)
Produce of VIET NAM
Gross wt: ...
Net wt: ...
SVR: tùy từng cấp hạng (SVR L, SVR 3L, SVR10, SVR20, SVRCV50, SVRCV60...).
- Lot no...../tháng, năm
Tên nhà máy (Công ty)
Ký hiệu cảnh báo như: hình để theo chiều thẳng đứng ↑↑, hình tránh nắng mưa, hình tránh lửa ☀...
- Các thông tin và quy định khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Các chi tiết về thương mại (như số hợp đồng, nhãn hiệu,...) có thể ghi trên 2 mặt hông ngắn.

Cty CP Cao su Phước Hòa _____	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 4/8
----------------------------------	------------------------------	--

Quy định kích thước, vị trí của chữ, số và hình cảnh báo theo yêu cầu dưới đây:

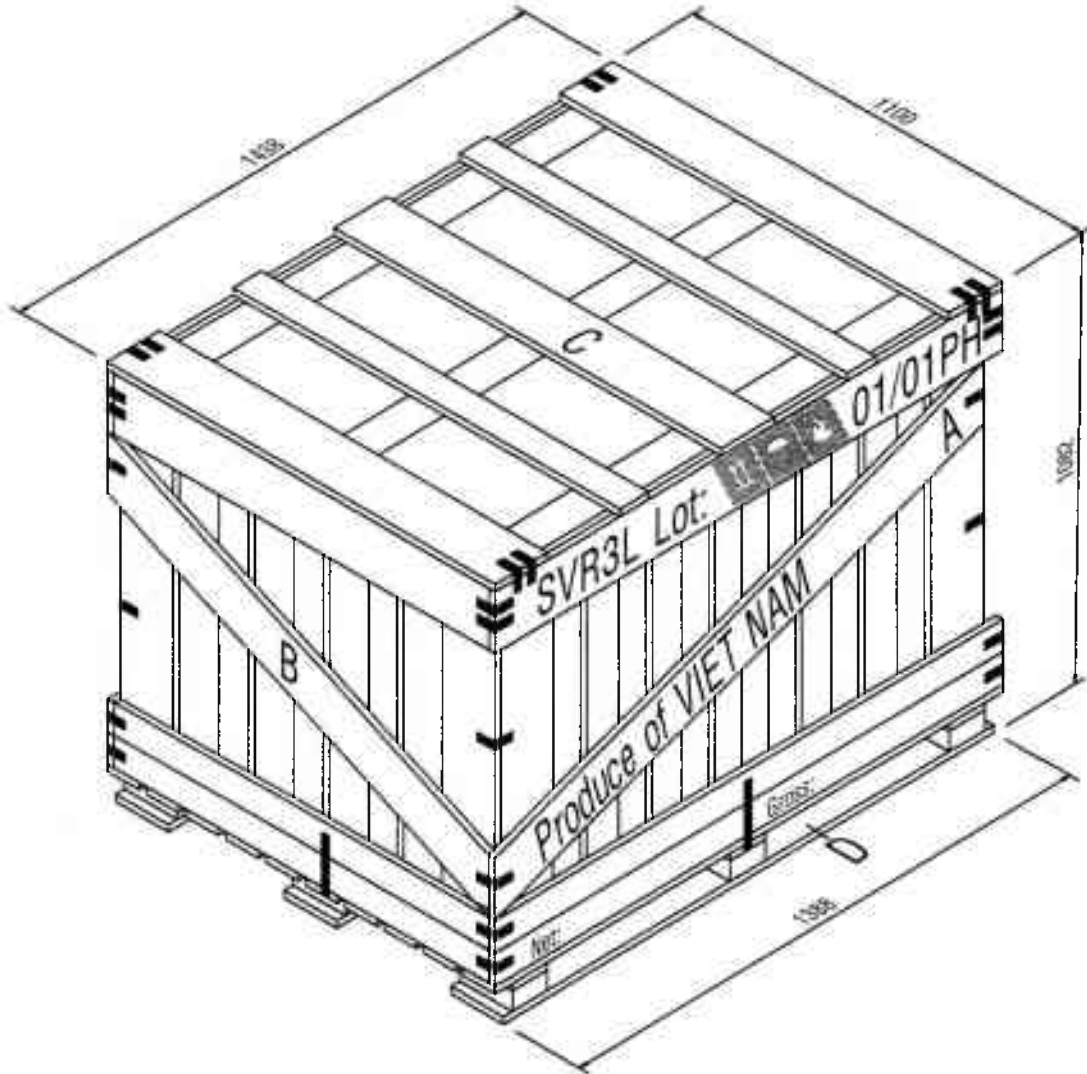
TT	Tên chữ, số và hình vẽ	Kích thước (mm)		Kiểu chữ		Vị trí	Ghi chú
		Cao	Rộng	In	Thường		
1	Produce of	60	45		x	A5	
2	VIET NAM	80	60	X		A5	
3	Lot .../...	60	45		x	B2	
4	Gross: ... Kgs	60	45		x	A2	
5	Net: ... Kgs	60	45		x	A2	
6	(3L, 5, 10, 20, CV50, CV60)	80	60	X		A1, B1	
7	Số: từ 0 – 9	60	45	X		A2	
8	Hình để theo chiều thẳng đứng, hình tránh nắng mưa, hình tránh lửa	80	60	X		A1	
9	Các chữ viết hoa đầu dòng	80	60	X		A5, A2, B2	

5.7. Các hình chiếu của pallet: Các ký hiệu được thể hiện trên các hình chiếu của pallet. Các ký hiệu này có thể thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

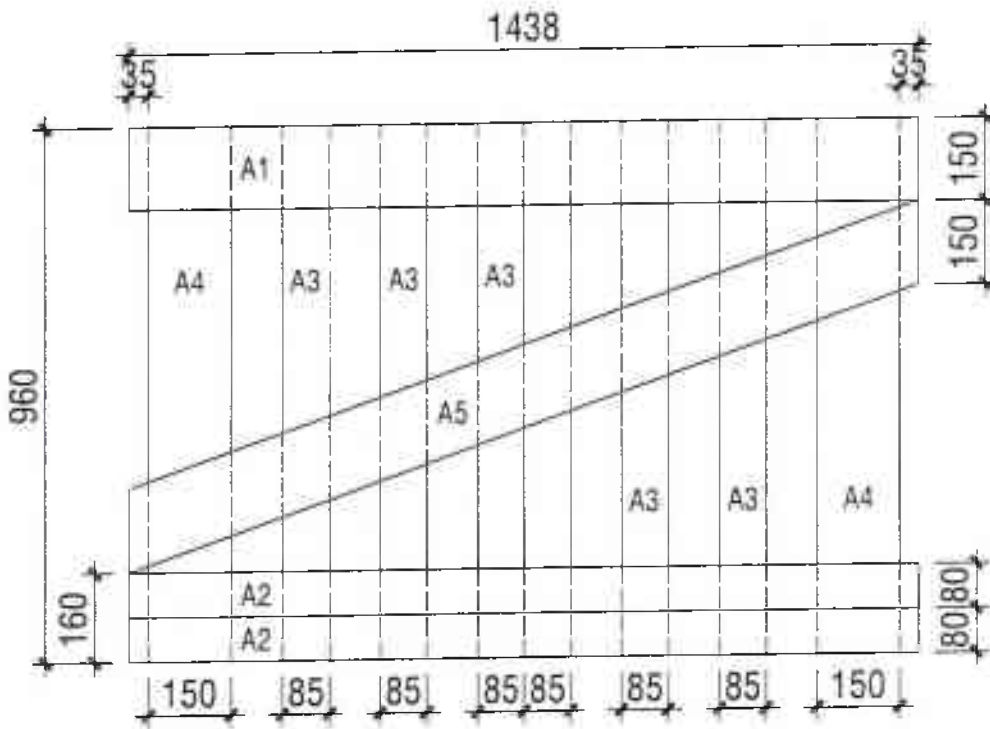
Cty CP Cao su Phước Hòa	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 5/8
-------------------------	------------------------------	--

5.8. Hình vẽ:

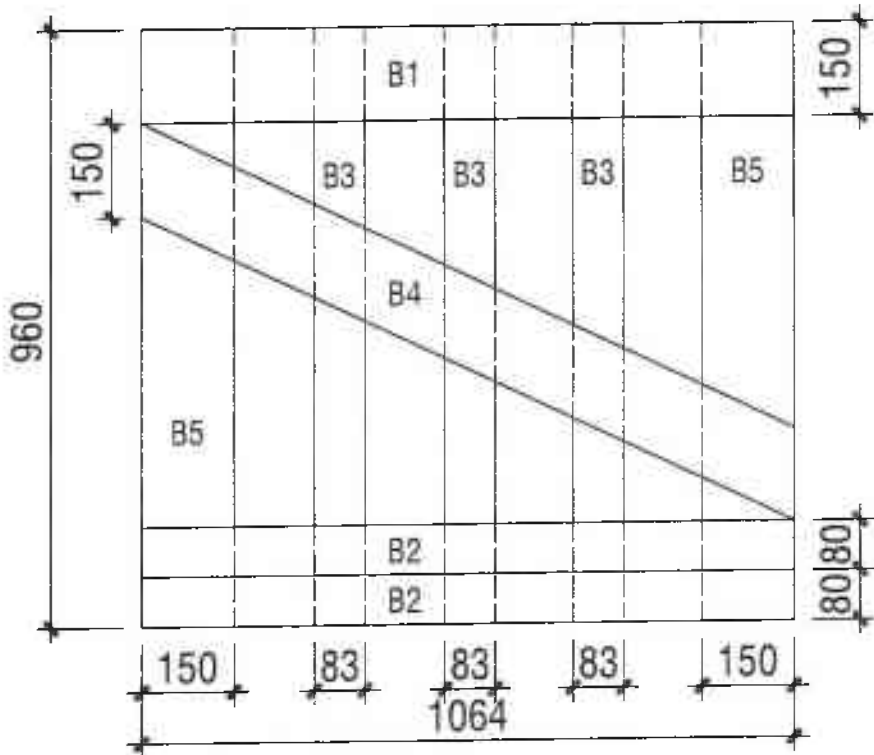
5.8.1. Hình vẽ tổng quan Pallet:



5.8.2. Hình vẽ hông dài:

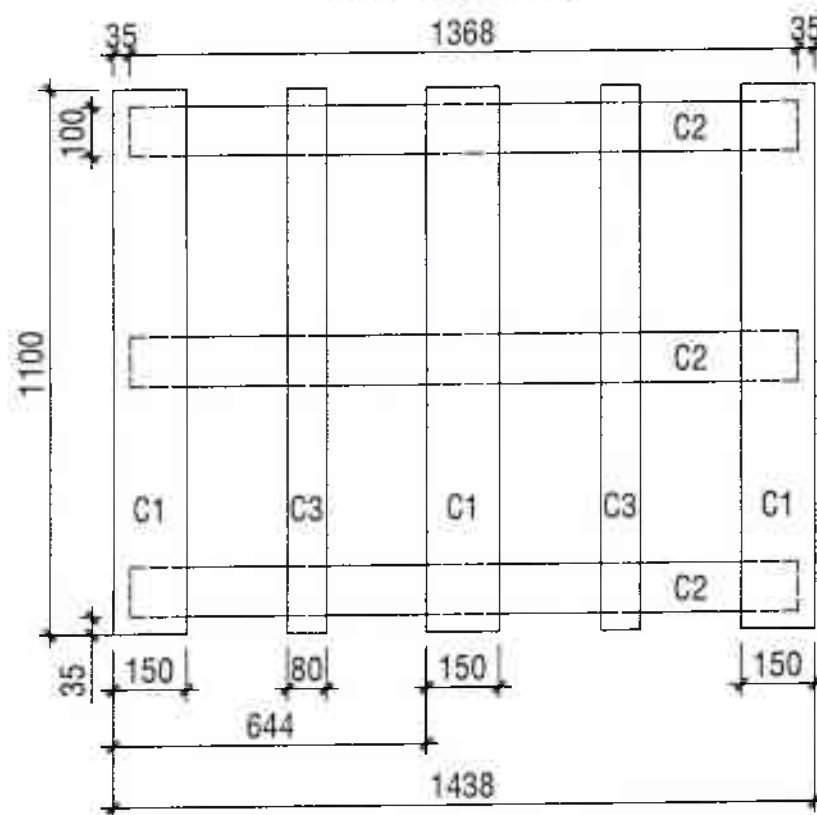


5.8.3. Hình vẽ hông ngắn:

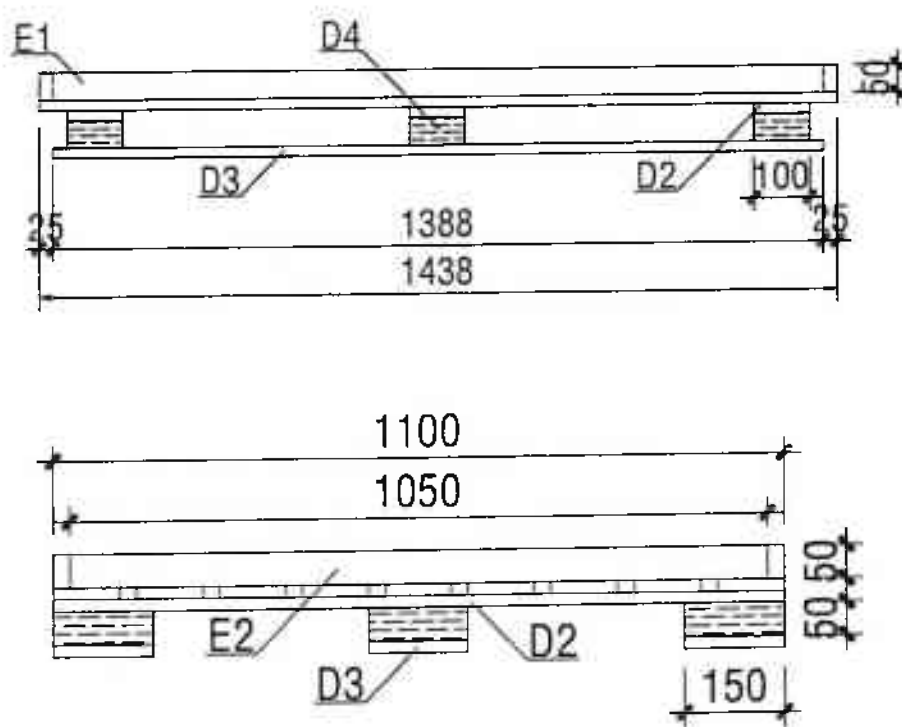


Cty CP Cao su Phước Hòa	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 7/8
-------------------------	------------------------------	--

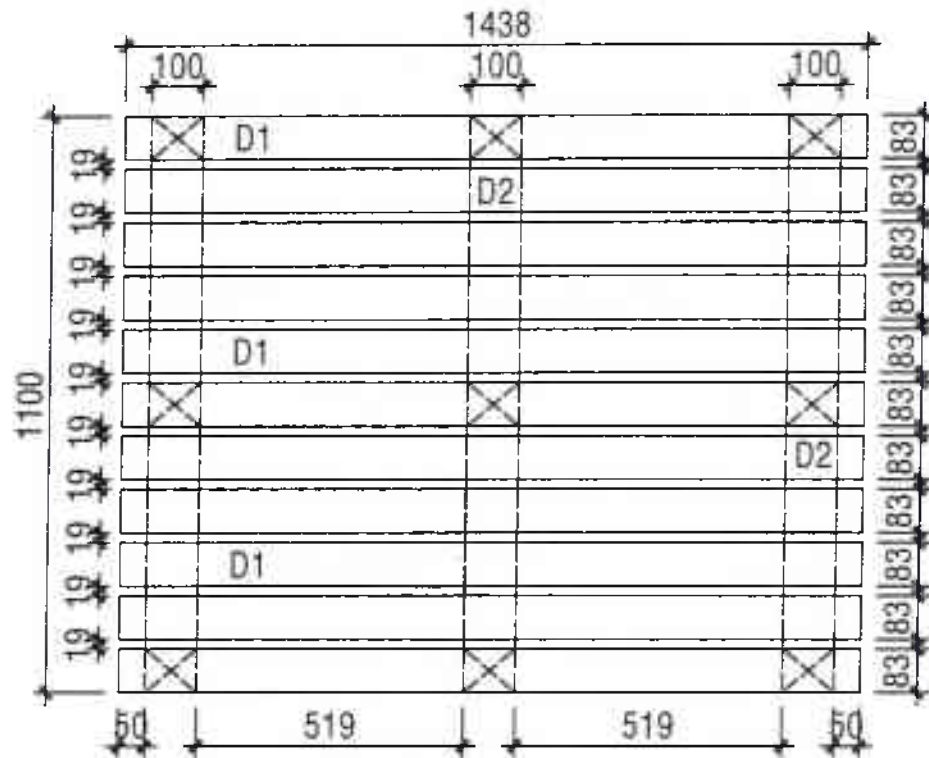
5.8.4. Hình vẽ nắp:



5.8.5. Hình vẽ mặt đáy và đế:



Cty CP Cao su Phước Hòa	TIÊU CHUẨN PALLET	Số : TC-QLCL-05 Ngày hiệu lực: 01/09/2025 Lần soát xét : 10 Trang : 8/8
-------------------------	------------------------------	--



6. Phân phối tài liệu:

- + Bản gốc: Phòng QLCL.
- + Bản chính: MR, P.QLCL, P.KHVT, P.TCKT, NMBL, NMPR.
- + Thời gian lưu tài liệu (bản gốc): 5 năm

LỊCH SỬ SỬA ĐỔI TÀI LIỆU:

Tên tài liệu: Tiêu chuẩn pallet Số hiệu/lần soát xét: TC-QLCL-05/08		Đơn vị soạn thảo: Phòng QLCL Ngày hiệu lực: 01/09/2014	
Stt	Nội dung sửa đổi	Ngày hiệu lực mới	Lần soát xét
1	- Soát xét lại tiêu chuẩn theo bố cục của Thủ tục kiểm soát thông tin dạng văn bản; thống nhất còn lại một tiêu chuẩn pallet: kết hợp giữa Tiêu chuẩn pallet (TT-QLCL-05/08) và Tiêu chuẩn pallet loại B (TT-QLCL-12/00).	03/11/2017	09
2	- Soát xét lại toàn bộ tiêu chuẩn theo nhu cầu của Công ty.	01/09/2025	10